

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày: 25-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Tân Dân.
2. Ông Nguyễn Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST - HS ngày 05 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Hồng Đ; Tên gọi khác: C;

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 13/7/1974, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Số 244 đường N, Khu phố C, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Phạm Văn M, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1954 (đang sinh sống tại Hoa Kỳ); Em ruột có 01 người, sinh năm 1979; Vợ: Đã ly hôn năm 2015, chưa kết hôn mới; Con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân bị cáo: Ngày 18/10/2000, bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 04 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Bản án số 2652/2000/HS-PT ngày 18/10/2000; Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/4/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Trần Minh H, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 36 đường T, Khu phố A, Phường A, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Vương Thị Bích L, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng:

+ Em Phạm Quốc V, sinh ngày 11/10/2012.

+ Em Phạm Quốc A, sinh ngày 05/4/2006.

Người đại diện theo pháp luật của Phạm Quốc V, Phạm Quốc A: Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Ông Võ Thành B, sinh năm 1945 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh Trần Thanh T, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 52D đường L, Phường A, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh Huỳnh Văn V, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 05/12/2020, bị cáo Phạm Hồng Đ điều khiển xe mô tô từ thị xã Gò Công qua phà Bến Chùa đến huyện Tân Phú Đông để tìm bà Lê Thị Thùy Thôi mượn tiền. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo đến nhà nơi bà T tạm trú tại ấp L, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Đến nơi, bị cáo thấy nhà bà T đã đóng cửa, tắt đèn, bị cáo dựng xe trước cửa nhà và đi bộ ra nhà sau. Thấy cửa sau không khóa, bị cáo mở cửa đi vào trong và tiếp tục mở cửa phòng ngủ. Vào phòng ngủ, bị cáo thấy bà T và cháu Phạm Quốc V, cháu Phạm Quốc A đang ngủ, đồng thời nhìn thấy trên đầu giường ngủ có nhiều đồ trang sức. Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã lấy trộm nữ trang vàng 18K gồm:

01 chiếc vòng đeo tay kiểu Chanel có trọng lượng 07 chỉ 01 phân 05 li.

01 chiếc nhẫn kiểu Chanel có trọng lượng 01 chỉ 05 li.

01 chiếc bông tai kiểu Chanel có trọng lượng 04 phân 9,25 li.

01 chiếc kiềng cổ kiểu Chanel có trọng lượng 02 chỉ 04 phân 8,5 li.

01 cái mặt kiềng cổ kiểu Chanel có trọng lượng 01 chỉ 03 phân 1,5li.

01 chiếc nhẫn kiểu chữ S có trọng lượng 01 chỉ.

Với số vàng lấy trộm được, bị cáo bỏ vào túi quần rồi trở ra cửa lấy xe mô tô điều khiển chạy theo hướng tỉnh lộ 877B qua phà Tân Long, thuộc ấp T, xã P huyện Tân Phú Đông về thị xã G. Đến khoảng 09 giờ ngày 06/12/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô trên đem số vàng trộm được đến tiệm vàng T thuộc Phường A, thị xã G bán được số tiền 27.000.000 đồng. Bị cáo lấy hết toàn bộ số tiền này để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Căn cứ Kết luận Thẩm định giá trị tài sản số 20/HĐĐGTS ngày 31/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Phú Đông xác định trị giá kim loại vàng 18K tại thời điểm ngày 06/12/2020 có giá trị thành tiền là 4.042.000 đồng/chỉ, 404.000 đồng/phân, 40.400 đồng/li.

Về vật chứng: Qua xác minh tại tiệm vàng T, không xác định được người nhân viên của tiệm vàng đã trực tiếp thu mua số vàng mà bị cáo đã bán nên không thu hồi được vật chứng. Đối với chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm, bị cáo đã cho người bạn tên T (không rõ họ tên, địa chỉ) mượn sử dụng nhưng không trả lại, qua xác minh truy tìm không được nên không thể thu hồi.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận và bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 11/CT-VKSTPĐ ngày 04/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông: Truy tố bị cáo Phạm Hồng Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông giữ quyền công tố giữ y quan điểm về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hồng Đ từ 18 đến 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (13/4/2021).

Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo ăn năn, hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra; việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú Đông, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét thấy tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hồng Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, ngày 05/12/2020, bị cáo Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Lê Thị Thùy T là 06 món nữ trang vàng 18K, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 54.533.700 đồng. Bị cáo Đ nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, là có tội; bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận thẩm định giá trị tài sản, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét về ý thức chủ quan và hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, lợi dụng sự mất cảnh giác trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá 54.533.700 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Đ thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của bị cáo được thực hiện do lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an

ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo có đủ nhận thức để hiểu được tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra và được pháp luật bảo vệ, nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà bị cáo bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác, bị cáo có nhân thân không tốt, ngày 18/10/2000, bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 04 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã thi hành xong nghĩa vụ án phí. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xét thấy rằng bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại tiệm vàng T, không xác định được người nhân viên của tiệm vàng đã trực tiếp thu mua số vàng mà bị cáo đã bán nên không thu hồi được vật chứng. Đối với chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm, bị cáo đã cho người bạn tên T (không rõ họ tên, địa chỉ) mượn sử dụng nhưng không trả lại, qua xác minh truy tìm không được nên không thể thu hồi.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận và bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lê Trần Minh H là chủ tiệm vàng T, anh H không biết số vàng bị cáo bán là do trộm mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú Đông không xử lý là có cơ sở.

Chị Vương Thị Bích L trình bày chị có mất 01 con gà vào thời gian bà T bị mất vàng nữ trang, con gà này nhốt phía sau nhà bà T. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị L trình bày chị đã tìm được con gà này và không có yêu cầu gì nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú Đông không xử lý là có cơ sở, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/4/2021.

3. Về án phí:

Bị cáo Phạm Hồng Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện TPĐ;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện TPĐ;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm